ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 248 /QĐ-ĐHYD	*Thái Nguyên, ngày 11 tháng 2 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022 *(kèm theo).*

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248 QĐ/ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*

3. Tên chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú, chuyên ngành Nhi khoa*
- Tên tiếng Anh: *Pediatric Residency*

4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*

5. Trình độ đào tạo: *Bác sĩ nội trú*

6. Ngành đào tạo: *Nhi khoa*

7. Mã ngành đào tạo: *62. 72. 16. 55*

8. Thời gian đào tạo: *3 năm*

9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*

10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*

11. Danh hiệu văn bằng

- Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú, chuyên ngành Nhi khoa*
- Tên tiếng Anh: *Pediatric Residency*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	**Mô tả mục tiêu** *Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:*	**Phù hợp**		
		Sứ mạng	***Tầm nhìn***	***Luật Giáo dục Đại học***
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
PEO 4	Sử dụng hiệu quả kỹ năng công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động học tập nghiên cứu, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	**Mô tả chuẩn đầu ra** *Ngay sau khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:*	**Phân loại**	
		Chuẩn đầu ra chung	***Chuẩn đầu ra chuyên biệt***
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, tin học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x

II. Kỹ năng			
PLO3	Thực hiện thành thạo hỏi bệnh, khám bệnh, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển ở trẻ em.		x
PLO 4	Chỉ định và phân tích đúng, đầy đủ phương pháp thăm dò chức năng và xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 5	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, điều trị, theo dõi, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 6	Thực hiện thành thạo một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán, điều trị một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 7	Giao tiếp truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Nhi khoa.	x	
PLO 8	Thực hiện độc lập được các chuyên đề và đề tài nghiên cứu khoa học; sử dụng được một số phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Nhi khoa	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 10	Chủ động học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Nhi khoa	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PEO 1	x	x									
PEO 2			x	x	x	x	x				
PEO 3							x				
PEO 4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PEO 5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân tham gia dự tuyển bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp bác sĩ chính quy ngành y khoa, xếp loại tốt nghiệp loại khá trở lên trong vòng 06 tháng từ ngày công nhận tốt nghiệp (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần 1).
- Trong các năm đại học không bị kỷ luật từ mức cảnh cảo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).
- Chỉ được dự tuyển 1 lần.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ theo Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương)
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I	**Khối kiến thức cơ bản : 12 (10,9%)**									
1.1	***Học phần/module bắt buộc: 12***									
1	HCTH2013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP2013	PP giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
3	HCTO2013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75				1
4	HCPH2013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
II	**Khối kiến thức cơ sở ngành: 16 (14,5%)**									
2.1	***Học phần/module bắt buộc:*** *12 (10,9%)*									
5	NOTM2214	Tai Mũi Họng	4 (1/3)	15	90	95				1
6	NOTN2214	Truyền nhiễm	4 (1/3)	15	90	95				1
7	NOCĐ2214	Chẩn đoán hình ảnh	4 (1/3)	15	90	95				1
2.2	***Học phần/module tự chọn:*** *4 (3,6%) Người học tự chọn 2 học phần trong 5 học phần*									
8	NOSL2312	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70				1
9	NOPT2312	Phôi thai học	2 (2/0)	30	0	70				1
10	NODL2312	Da liễu	2 (1/1)	15	30	55				1
11	NOPO2312	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55				1
12	NODA2312	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				1
III	**Khối kiến thức chuyên ngành: 71 (64,5%)**									

3.1	***Học phần/module bắt buộc: 50 (45,5%)***									
13	NOCC2419	Cấp cứu	9 (3/6)	45	180	225	HP I,II			2
14	NOSS2419	Sơ sinh	9 (3/6)	45	180	225	HP I,II			2
15	NODD2418	Dinh dưỡng - Tiêu hóa	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			2
16	NOTA2418	Tim mạch - Hô hấp	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			3
17	NOHH2418	Huyết học - Tiết niệu	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			3
18	NOTB2418	Tâm bệnh - Thần kinh	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			3
3.2	***Học phần/module tự chọn (nếu có): 21 (19,1%).*** *Người học tự chọn 3 trong 7 học phần*									
19	NONT2517	Nội tiết-bệnh lý chuyển hóa di truyền	7 (2/5)	30	150	170	HP I,II Các HP CN BB			4
20	NOSK2517	Sức khỏe vị thành niên	7 (2/5)	30	150	170	HP I,II Các HP CN BB			4
21	NOXH2517	Nhi xã hội - Nhi học đường	7 (2/5)	30	150	170	HP I,II Các HP CN BB			4
22	NOUT2517	Ung thư trẻ em	7 (2/5)	30	150	170	HP I,II Các HP CN BB			4
23	NOMD2517	Miễn dịch - dị ứng lâm sàng	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II Các HP CN BB			4

24	NOXT2517	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh	7 (1/6)	15	180	155	HP I,II Các HP CN BB			4
25	NONN2517	Ngoại nhi	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II Các HP CN BB			4
IV	**Ôn và thi tốt nghiệp: 3 (2,7%)**									
26	NOTN2613	Ôn và thi TN	3(1/2)	15	60	75		HP I,II,II		5-6
V	**Luận văn: 8 (7,3%)**									
27	NOLV2818	Luận văn tốt nghiệp	8	120	0	280		HP I,II,III, IV		4-5-6

VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)

Nội trú

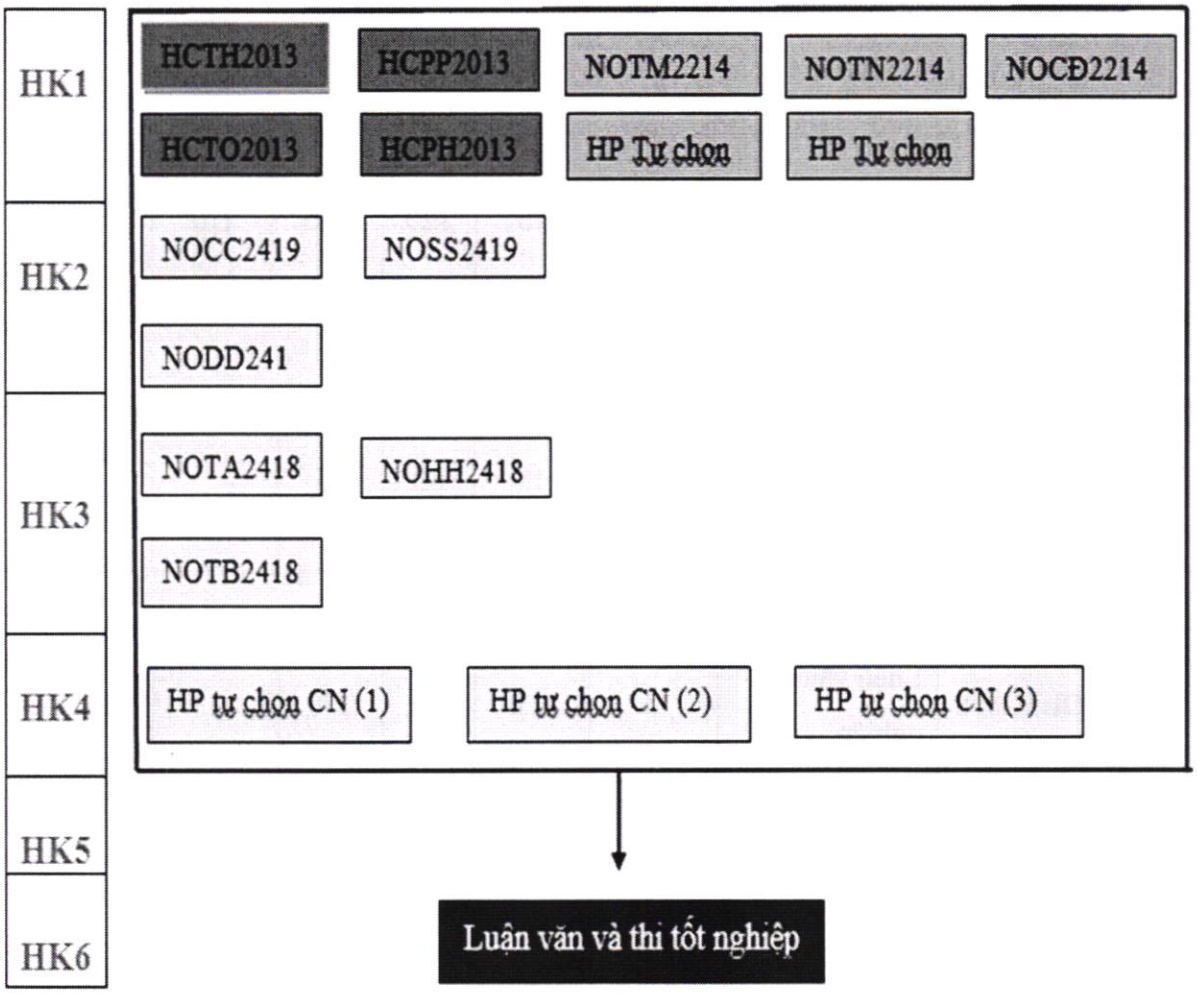

Ghi chú:

- Khối kiến thức cơ bản
- Khối kiến thức cơ sở ngành
- Khối kiến thức chuyên ngành
- Luận văn và thi tốt nghiệp

→ Điều kiện tiên quyết

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1	HCTH2013	M	L					L		H	M	M
2	HCPP2013	M	M	M	M	M	M	M	M	H	M	M
3	HCTO2013	H	H	M	M	M	M	M	H	H	M	M
4	HCPH2013	H	M	M	M	M	M	M	H	H	M	M
5	NOTM2214		H	M	M	M	M	M	L	H	M	M
6	NOTN2214		H	M	M	M	M	M	L	H	M	M
7	NOCĐ2214		H	M	M	M	M	M	L	H	M	M
8	NOSL2312		H	M	H	M	M	M	L	H	M	M
9	NOPT2312		H	M	H	M	M	M	L	H	M	M
10	NODL2312		H	M	H	M	M	M	L	H	M	M
11	NOPO2312		H	M	H	M	M	M	L	H	M	M
12	NODA2312		H	M	H	M	M	M	L	H	M	M
13	NOCC2419		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
14	NOSS2419		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
15	NODD2418		H	H	H	M	H	H	M	H	M	M
16	NOTA2418		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
17	NOHH2418		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
18	NOTB2418		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
19	NONT2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
20	NOSK2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
21	NOXH2517		H	H	H	H	M	H	M	H	M	M
22	NOUT2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
23	NOMD2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
24	NOXT2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
25	NONN2517		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
26	NOTN2613		H	H	H	H	H	H	M	H	H	H
27	NOLV2818		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Thuyết trình	x	x									
Dạy học nhóm nhỏ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đóng vai			x				x	x	x	x	x
Dạy - học bên giường bệnh			x	x	x	x	x		x	x	x
Dạy - học bằng bảng kiểm			x	x	x		x				

X. Đánh giá kết qủa học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá		Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Lý thuyết	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị thảo luận; hoàn thành các bài tập được giao	10%
	Thực hành	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị bài, thảo luận, nộp sản phẩm, tham gia lượng giá mỗi bài thực hành.	10%
Kiểm tra thường xuyên	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	10%
	Thực hành	Chỉ tiêu thực hành (chấm bằng bảng kiểm)	10%

Hình thức đánh giá		Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Thi giữa kỳ	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	30%
	Thực hành	Trung bình cộng của lượng giá chỉ tiêu thực hành và giải quyết tình huống	30%
Kết thúc học phần	Lý thuyết	Báo cáo chuyên đề (chấm bằng bảng kiểm)	50%
	Thực hành	Thi trên bệnh nhân (chấm bằng bảng kiểm)	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Tự luận (giải quyết tình huống)	x	x	x	x	x				x	x	x
Báo cáo chuyên đề	x	x					x	x	x	x	x
Làm bệnh án		x	x	x	x		x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kỹ năng thực hành trên người bệnh			x	x	x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmaking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2015)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2015)		Trường ĐHYD Thành phố HCM (2019)		ĐH Y Dược, ĐHTN (2021)	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	25/150	16,67	15	14,00	22	14,67	12	10,9
Kiến thức cơ sở ngành	21/150	14,00	34	14,67	23	15,33	16	14,5
Kiến thức chuyên ngành	49/150	32,67	71	54,00	77	51,33	50	45,5
Tự chọn	30/150	20,00	9	4,00	0	0	21	19,1
Tốt nghiệp	25/150	16,67	29	13,33	28	18,67	11	10,0
Tổng	**150**	**100**	**150**	**100**	**150**	**100**	**110**	**100**

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 7 (mức độ thấp), 1, 10, 11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

3. Học phần Tin học ứng dụng

Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của môn Tin học và thực hành tin học ứng dụng trong soạn thảo văn bản, trình chiếu trong báo cáo thuyết trình khoa học. Môn học này còn giảng dạy kiến thức về internet và cách sử dụng internet trong nghiên cứu khoa học, dạy sử dụng các thuật toán để sử lý số liệu giúp học viên nghiên cứu khoa học và làm luận văn. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành trên máy tính. Phương pháp lượng giá học phần là thi thực hành trên máy tính. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1,2,8,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

4. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học trong Y học, dạy cho người học cách khai thác và sử dụng tài liệu tham khảo, cách viết các bài báo khoa học, cũng như viết luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm vấn đáp, viết đề cương nghiên cứu, thi lý thuyết. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1,8,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

5. Học phần Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai – Mũi – Họng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

6. Học phần Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

7. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Nhi khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, kiểm tra thực hành đọc phim, thi kết thúc thực hành trên máy tính. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

8. Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức sinh lý bệnh miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

9. Học phần Phôi thai học

Học phần Phôi thai học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phôi thai học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

10. Học phần Da liễu

Học phần/module Da liễu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

11. Học phần Phục hồi chức năng

Học phần Phục hồi chức năng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phục hồi chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4.9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

12. Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn, dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về dược động học, chỉ định, chống chỉ định cảu các nhóm thuốc thường áp dụng trong điều trị bệnh lý ngoại khoa. Các kĩ năng cơ bản trong việc sử dụng thuốc hợp lý, phát hiện những tác dụng không mong muốn của thuốc trong khi thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 3,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

C. Khối học phần chuyên ngành

13. Học phần Cấp cứu

Học phần cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

14. Học phần Sơ sinh

Học phần Sơ sinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm

về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

15. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

16. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành,

vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

17. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

18. Học phần Tâm bệnh-Thần kinh

Học phần Tâm bệnh-Thần kinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tâm bệnh-Thần kinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

19. Học phần Nội tiết- Chuyển hóa di truyền

Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nội tiết-Chuyển hóa di truyền thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

20. Học phần Sức khỏe vị thành niên

Học phần Sức khỏe vị thành niên là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Sức khỏe vị thành niên thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

21. Học phần Nhi khoa xã hội- Nhi học đường

Học phần Nhi khoa xã hội- Nhi học đường là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng,

dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nhi khoa xã hội thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

22. Học phần Ung thư trẻ em

Học phần Ung thư trẻ em là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nhi khoa xã hội thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

23. Học phần Miễn dịch dị ứng lâm sàng

Học phần Miễn dịch dị ứng lâm sàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nhi khoa xã hội thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường

hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

24. Học phần Xử trí lồng ghép trẻ bệnh

Học phần Xử trí lồng ghép trẻ bệnh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về đánh giá, phân loại, điều trị, tham vấn các bệnh thường gặp ở trẻ 0-5 tuổi. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

25. Học phần Ngoại Nhi

Học phần Ngoại Nhi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý Ngoại nhi. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật về Ngoại nhi trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào chuẩn

đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

26. Học phần Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 5,6 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thi tay nghề (thủ thuật) có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

27. Luận văn

Luận văn Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 4,5,6 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giúp cho người học củng cố kiến thức, kỹ năng của tất cả các khối kiến thức nhằm đáp ứng tất cả các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp. Học viên sẽ được đánh giá thông qua hội đồng tốt nghiệp đánh giá luận văn bác sĩ nội trú Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2-11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 128 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 1 giáo sư, 12 phó giáo sư, 45 tiến sĩ, 20 thạc sĩ, 8 CKI, và 42 CKII. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học BS nội trú. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực…đáp ứng được yêu cầu đào tạo Bác sĩ nội trú.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Trưởng khoa/ Bộ môn *(Ký, ghi rõ họ tên)*
1	Sửa lại bản mô tả CTĐT theo mẫu mới ban hành kèm theo Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/4/2021	20/4/2021	Lê Thị Kim Dung	Nguyễn Thị Xuân Hương
2	Sửa lại mục tiêu, chuẩn đầu ra, mã HP và rà soát các nội dung liên quan đến CĐR theo hướng dẫn ban hành kèm theo Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT	6/10/2021	Lê Thị Kim Dung	Nguyễn Thị Xuân Hương

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu	Hội đồng Khoa/Bộ môn	Tổ trưởng xây dựng/ rà soát
HIỆU TRƯỞNG PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thị Xuân Hương	Lê Thị Kim Dung

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022